

Số: 37 /2019/QĐ-UBND

Long An, ngày 06 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ,
công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 2806/TTr-STC ngày 26/8/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An.

Trường hợp, các Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Đề án/ Dự án đó.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng bao gồm:

a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

b) Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; ở huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện); công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;



c) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

đ) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, tổ dân phố ở phường, thị trấn.

Các đối tượng trên được cơ quan có thẩm quyền quyết định đồng ý cho đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng quy hoạch nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

3. Chế độ hỗ trợ

3.1 Hỗ trợ tiền ăn:

a) Đào tạo, bồi dưỡng ngoài tỉnh

Đối với lớp đào tạo, bồi dưỡng liên tục trên 20 ngày/tháng (tính theo thời gian tập trung); lớp đào tạo, bồi dưỡng từ dưới 20 ngày/tháng (tính theo ngày thực học), cụ thể:

- Tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: 50.000 đồng/người/ngày;
- Tại các tỉnh, thành phố khác: 40.000 đồng/người/ngày.

b) Đào tạo, bồi dưỡng trong tỉnh (tính theo ngày thực học bao gồm thời gian ôn tập và nghiên cứu có trong lịch học) hỗ trợ 30.000 đồng/người/ngày.

3.2) Hỗ trợ chi phí đi đào tạo, bồi dưỡng:

a) Hỗ trợ tiền học phí, phí thi tuyển, phí tuyển sinh, phí nhập học theo phiếu thu của nhà trường;

b) Hỗ trợ tiền mua tài liệu học tập theo chương trình chính khóa có phiếu thu của nhà trường (không hỗ trợ tiền tài liệu cho việc tham khảo của học viên);

c) Hỗ trợ tiền nghỉ trọ (áp dụng đối với lớp đào tạo, bồi dưỡng liên tục trên 20 ngày/tháng (tính theo thời gian thực học tập trung)) ngoài tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng trong tỉnh với khoảng cách từ cơ quan đến nơi đào tạo, bồi dưỡng từ 15km trở lên:

- Đào tạo, bồi dưỡng ngoài tỉnh: 600.000 đồng/tháng/người.
- Đào tạo, bồi dưỡng trong tỉnh: 300.000 đồng/tháng/người.

d) Hỗ trợ tiền tàu xe

Áp dụng đối với lớp đào tạo, bồi dưỡng liên tục trên 20 ngày/tháng bao gồm đi học trong tỉnh (từ cơ quan đến nơi đào tạo, bồi dưỡng từ 15km trở lên) hoặc học ngoài tỉnh được hỗ trợ 01 (một) lượt đi và về tiền phương tiện đi lại từ cơ quan đến nơi đào tạo, bồi dưỡng, các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định.

4. Nguyên tắc hỗ trợ

Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước được cơ quan có thẩm quyền quyết định đồng ý cho đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về giáo dục và

đào tạo đã được hỗ trợ các chế độ tại quy định này thì không được hưởng các chế độ hỗ trợ liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng tại các văn bản khác và ngược lại.

5. Chế độ thù lao đối với Giảng viên, Báo cáo viên

a) Giảng viên, Báo cáo viên gồm:

- Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;
- Công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; ở huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện); công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;
- Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Giáo sư, chuyên gia cao cấp, chuyên viên cao cấp, tiến sĩ.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ báo cáo Nghị quyết, báo cáo thời sự, phổ biến pháp luật, các chuyên đề khác, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ,..

b) Mức chi thù lao Giảng viên, Báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

Tuỳ theo đối tượng, trình độ học viên, căn cứ yêu cầu chất lượng khóa bồi dưỡng cơ quan được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng mời Giảng viên, Báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng), cụ thể:

- Giảng viên, Báo cáo viên là Bí thư Tỉnh ủy: 2.000.000 đồng/người/buổi;
- Giảng viên, Báo cáo viên là Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh; Giáo sư chuyên gia cao cấp, chuyên viên cao cấp: 1.600.000 đồng/người/buổi;
- Giảng viên, báo cáo viên cấp Cục, Vụ, Viện; Phó Giáo sư, Tiến sĩ, giảng viên chính, Chuyên viên chính; Tỉnh ủy viên, Phó chủ tịch HĐND tỉnh, Phó chủ tịch UBND tỉnh; Trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp huyện; Phó Bí thư Đảng ủy thuộc Tỉnh ủy, Trưởng các ban Đảng của Tỉnh ủy: 1.200.000 đồng/người/buổi;
- Giảng viên, báo cáo viên là Phó các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Phó các ban Đảng của Tỉnh ủy; Phó Bí thư, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/buổi;
- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 800.000 đồng/người/buổi;
- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị cấp huyện: 600.000 đồng/người/buổi;
- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị cấp xã: 400.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp Giảng viên, báo cáo viên thuộc phạm vi áp dụng của 2 mức thù lao thì chọn một mức thù lao được hưởng cao nhất.



Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng theo chế độ thù lao giảng viên theo quy định.

c) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên:

Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An.

d) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên:

Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An.

6. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

b) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/9/2019. Các chế độ chi theo quy định tại quyết định này được áp dụng thực hiện từ ngày 01/8/2019.

Quyết định này thay thế Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 13/7/2011 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ đi học đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và mức thù lao đối với giảng viên, báo cáo viên trên địa bàn tỉnh

Long An, Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 08/02/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 13/7/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT; các PCT.UBND tỉnh;
- TTPVHCC (Công thông tin điện tử tỉnh);
- Phòng: TH-KSTTHC, KTTC, VHXH, HCQT; Ban NC-TCĐ;
- Lưu: VT, Dưng.

QĐ-STC-MỤC CHỈ ĐẠO TẠO BƠI DƯƠNG CBCVC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Căn